

**TAND HUYỆN HIỆP HÒA**  
**TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 59/2022/DS - ST

Ngày: 15/7/2022

V/v: “Tranh chấp ranh giới  
quyền sử dụng đất và yêu cầu  
bồi thường thiệt hại về tài sản”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HIỆP HÒA**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* ông Chu Mạnh Hà

*Hội thẩm nhân dân:*

Ông Bùi Thế Hanh

Ông Lê Thanh Miện

*Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa:* Bà Dương Thị Huệ – Thư ký TAND  
huyện Hiệp Hòa.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa:*

Bà Dương Thị Thúy - KSV.

Trong các ngày 13 và 15 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 197/2019/TLST-DS ngày 05 tháng 12 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 54/2022/QĐXX-DS ngày 10 tháng 5 năm 2022 về "Tranh chấp ranh giới quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản", giữa:

*1.1. Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1991

Địa chỉ: Thôn Mai Thượng, xã Mai Đình, Hiệp Hòa, Bắc Giang (có mặt)

*1.2. Bị đơn:* Ông Nguyễn Đức N (tên gọi khác: Nguyễn Văn N), sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn Mai Thượng, xã Mai Đình, Hiệp Hòa, Bắc Giang (có mặt)

*1.3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1.3.1. Anh Đặng Văn D, sinh năm 1991 (là chồng chị C, có mặt)

1.3.2. Bà Đỗ Thị H, sinh năm 1972 (là vợ ông N, có mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Mai Thượng, xã Mai Đình, Hiệp Hòa, Bắc Giang

1.3.3. Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1970

Địa chỉ: Tổ 8, phường Đề Thám, thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng (đề nghị xét xử vắng mặt).

1.3.4. Ông Nguyễn Đức Thảo, sinh năm 1952

1.3.5. Bà Nguyễn Thị Nguyệt, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Thôn Mai Thượng, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang (đều xin xét xử vắng mặt).

1.3.6. UBND huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang, do ông Hoàng Công Bộ - Chủ tịch UBND huyện đại diện theo pháp luật, ủy quyền cho ông Nguyễn Văn Công – Phó Trưởng Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Hiệp Hòa đại diện (xin xét xử vắng mặt).

## **NỘI DUNG VỤ ÁN**

Tại đơn khởi kiện ghi ngày 29/9/2019 và các tài liệu nộp kèm theo, bản tự khai, các biên bản làm việc tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C trình bày: Năm 2014 vợ chồng chị nhận chuyển nhượng thửa đất của bố để chị là ông Nguyễn Đức Hùng, trên đất đã có sẵn nhà ở. Phía Tây và phía Nam thửa đất giáp ranh với thửa đất mà ông N đang quản lý sử dụng. Sau khi nhận chuyển nhượng, cùng trong năm 2014, vợ chồng chị phá nhà cũ, xây nhà mới. Khi đó, giáp ranh giữa hai nhà đã có tường bao từ trước do gia đình ông N xây dựng. Năm 2016, vợ chồng chị được cấp GCNQSD đất, diện tích được sử dụng là 250,2m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 175, tờ bản đồ 70 tại thôn Mai Thượng xã Mai Đình. Vợ chồng chị ở ổn định đến năm 2019 thì ông N đã phá tường bao cũ và đập phá cả vào phần chân móng nhà chị, độ sâu gần 2m. Chị đã báo chính quyền địa phương và họ đã đã yêu cầu ông N đình chỉ công trình, tuy nhiên sau đó ông N lợi dụng đêm tối vẫn thực hiện rồi bơm cát vào phần đã đập phá, làm ảnh hưởng, nứt nhà ở của chị. Nay chị xác định ông N đã lấn chiếm sang phần đất của gia đình chị với chiều rộng khoảng 30 – 40cm, dài khoảng 22m, chị yêu cầu ông N trả lại phần diện tích lấn chiếm này đồng thời phải bồi thường cho gia đình chị giá trị phần chân móng tường nhà bị phá là 3.000.000đ (ba triệu đồng). Quá trình làm việc, giải quyết tại Tòa án, chị C tự nguyện rút yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản.

Tại các bản tự khai, văn bản trình bày và các biên bản làm việc, bị đơn là ông Nguyễn Đức N trình bày: Ông đang sử dụng thửa đất số 174, tờ bản đồ số 70, diện tích 815m<sup>2</sup>, tại thôn Mai Thượng, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hoà, nguồn gốc thửa đất do bố mẹ đẻ của ông để lại cho ông và em trai ông là Nguyễn D T, đất này đã được UBND huyện Hiệp Hòa cấp giấy chứng nhận QSD đất tên hộ bà Hoàng Thị Chấn (mẹ đẻ ông). Tháng 2/2019, gia đình ông tháo dỡ nhà cũ để xây nhà mới, đến tháng 9/2019 thì xây tường bao sát với diện tích nhà chị C nhưng chị C sang chửi và không cho xây vì chị C cho rằng gia đình ông lấn chiếm đất của gia đình chị C. Ông xác định ông không lấn chiếm đất nhà chị C, thậm chí khi chị C xây nhà mới (năm 2014), gia đình chị C còn lấn sang đất nhà ông với chiều rộng 0,2m, chiều dài dọc theo thân nhà. Khi ông phá tường bao cũ mục đích để để xây lại thì ông chỉ phá và xây lại đúng vị trí tường cũ nhưng gia đình chị C ngăn cản không cho xây, ông không đập phá móng nhà chị C. Vì vậy, nay ông không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, đồng thời ông còn yêu cầu chị C phải trả lại cho gia đình ông phần diện tích lấn chiếm dọc theo thân nhà chị C, dừng việc đổ nước thải sinh hoạt vào vườn nhà ông, đồng thời phải trả lại cho gia

đình ông 5 thước đất do gia đình ông vỡ hoang có được nhưng hiện đang bị gia đình chị C chiếm hữu.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn là anh Đặng Văn D (chồng chị C) trình bày ý kiến thống nhất với lời khai và yêu cầu của nguyên đơn ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là bà Đỗ Thị H cũng thống nhất với ý kiến trình bày của bị đơn.

Tại bản tự khai ngày 20/3/2021, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn D T trình bày, ông là em ruột của của ông Nguyễn Đức N. Phần đất mà chị C khởi kiện đòi thuộc quyền sử dụng của gia đình ông từ nhiều đời nay. Việc chị C cho rằng ông N lấn chiếm là không có căn cứ, ông không chấp nhận yêu cầu của chị C.

Tại các Biên bản lấy lời khai, ông Nguyễn Đức Thảo, bà Nguyễn Thị Nguyệt là anh chị em ruột của ông Nguyễn Đức N đều trình bày thừa đất mà ông Nguyễn Đức N đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc của bố mẹ ông bà để lại cho ông N và ông T. Ông bà không có ý kiến yêu cầu gì đối với thừa đất đó.

Đại diện UBND huyện Hiệp Hòa trình bày: Thừa đất hộ ông N đang quản lý, sử dụng đã được UBND huyện Hiệp Hòa cấp GCNQSD đất từ năm 2001, cấp mang tên Hoàng Thị Chắc, diện tích 603m<sup>2</sup>, trong đó có 360m<sup>2</sup> đất ở. Việc chênh lệch diện tích giữa diện tích ghi trong giấy và diện tích đo đạc thực tế hiện nay là do sai số giữa đo đạc thủ công và đo đạc chính quy. Kết quả đo đạc các thửa đất tranh chấp qua các lần thẩm định cho số liệu khác nhau không xác định được ranh giới cụ thể giữa các hộ nên việc xác định ranh giới của các hộ phải căn cứ vào các cạnh và các điểm giáp ranh mà các hộ đã ký kết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn giữ nguyên ý kiến về việc rút yêu cầu đòi bồi thường thiệt hại về tài sản phần tường nhà bị nứt và phần chân móng nhà bị chặt phá, đồng thời cũng giữ nguyên yêu cầu về việc đòi ông N trả lại phần đất lấn chiếm có chiều rộng khoảng 30 đến 40 cm, chiều dài khoảng 22m. Phía bị đơn là ông N và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía bị đơn là bà Đỗ Thị H cũng giữ nguyên ý kiến đã trình bày, xác định gia đình chị C khi xây nhà đã lấn chiếm đất của gia đình ông bà, hiện còn để mái tôn (giọt ranh) sang phần đất của ông bà nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị C, đồng thời đề nghị Tòa án xác định rõ ranh giới giữa hai thửa đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hiệp Hòa tham gia phiên tòa nhận xét quá trình tiến hành tố tụng, xét xử vụ án, Tòa án và Hội đồng xét xử thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự có ý thức chấp hành pháp luật. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 26; Điều 147, 165; Điều 244; Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164; Điều 166; Điều 174; 175; 176; Điều 189 của Bộ luật dân sự 2015; Điều 166, Điều 179, Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, xử:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị C, xác định ranh giới giữa hai thửa đất là đường thẳng được chiếu từ trên xuống dọc theo mép mái tôn nhà chị C xuống dưới đất (đoạn giọt ranh) theo sơ đồ đo vẽ thẩm định ngày 04/5/2022. Chị C được sử dụng phần diện tích đất phía trong giọt ranh của mái tôn (giáp với tường nhà chị C); Hộ ông N được sử dụng phần đất phía ngoài giọt ranh.

- Đình chỉ yêu cầu của chị C về việc yêu cầu bồi thường phần tường bị nứt, phần chân móng bị chặt phá.

- Về án phí: Ông Nguyễn Đức N phải chịu 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho chị Nguyễn Thị C số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng đã nộp theo biên lai số AA/2017/0000047 ngày 05/12/2019 của Chi cục THADS huyện Hiệp Hòa.

- Về chi phí tố tụng: các đương sự phải chịu tiền chi phí thẩm định, định giá tài sản theo quy định của pháp luật.

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử thấy:

[1]. Về sự vắng mặt của đương sự: Mặc dù những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh ông Nguyễn Đức T, ông Nguyễn Đức Thảo, bà Nguyễn Thị Nguyệt và UBND huyện Hiệp Hòa vắng mặt nhưng đều đề nghị xét xử vắng mặt nên cần áp dụng quy định tại Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với họ.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Theo đơn khởi kiện và các ý kiến trình bày trong các bản tự khai, Chị C cho rằng 1 phần đất bị gia đình ông N lấn chiếm nên yêu cầu trả lại, đồng thời yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản do việc lấn chiếm gây ra. Tuy nhiên chị C không xác định được phần diện tích đất mà bị đơn lấn chiếm (chỉ nêu chiều ngang bị lấn khoảng 30-40cm) do chị C chưa xác định được ranh giới giữa hai thửa đất. Phía ông N lại cho rằng gia đình chị C mới là bên lấn chiếm. Vì vậy, cần xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp về ranh giới quyền sử dụng đất và yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản” và áp dụng các quy định pháp luật tương ứng để giải quyết vụ án.

[3]. Xem xét về ranh giới giữa hai thửa đất: Hiện hai thửa đất mà đôi bên có tranh chấp về ranh giới là hai thửa đất liền kề, có địa chỉ tại thôn Mai Thượng xã Mai Đình và đều đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp mang tên chị Nguyễn Thị C thì chị C được sử dụng thửa đất số 175, tờ bản đồ 70, diện tích 250,2m<sup>2</sup> còn hộ ông N đang sử dụng thửa đất có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp mang tên hộ cụ Hoàng Thị Chắc (mẹ đẻ ông N), với diện tích được cấp là 603m<sup>2</sup> (hiện nay là thửa 174, tờ bản đồ 70). Trong các hồ sơ cấp GCNQSD đất cho các hộ đều có Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất, cụ thể là, trong Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất

của cụ Chắc có chữ ký giáp ranh của ông Hùng (là bố đẻ chị C và là chủ sử dụng thửa đất liền kề thời điểm đó); trong Bản mô tả ranh giới, mốc giới thửa đất của chị C cũng có chữ ký giáp ranh của ông N. Các bên sử dụng ổn định đến năm 2014 thì vợ chồng chị C làm lại nhà dọc theo phía Tây Bắc của thửa đất của chị C, tiếp giáp với phía Đông Nam của thửa đất hộ ông N đang sử dụng. Năm 2019, hộ ông N cũng làm nhà, phần đầu hồi phía Đông Nam ngôi nhà ông N tiếp giáp với tường phía Tây Bắc nhà chị C.

Theo các bên trình bày thì trước đây hộ ông N có xây tường bao làm ranh giới giữa hai thửa đất nên việc ông N cho rằng khi làm nhà (năm 2014) chị C lấn sang đất của hộ ông N là không có cơ sở. Khi ông N làm nhà (tháng 2/2019) đôi bên vẫn chưa có tranh chấp, chỉ đến khi ông N phá tường bao cũ (tháng 9/2019), chuẩn bị xây tường bao mới thì hai bên xảy ra tranh chấp về ranh giới. Kết quả xem xét thẩm định tại chỗ cho thấy phần mặt đất tiếp giáp giữa nhà ở của hộ chị C với nhà ở, sân nhà ông N có khoảng trống chưa xây dựng nhưng không còn mốc, ranh giới giữa hai hộ nên không xác định được ranh giới của hai thửa đất.

Tiến hành đo tổng thể hai thửa đất, qua hai lần đo đạc thì diện tích của hộ ông N đều tăng gần 200 m<sup>2</sup> so với diện tích ghi trong GCNQSD đất, hộ chị C đều giảm hơn so với diện tích ghi trong GCNQSD đất. Tuy nhiên, việc tăng giảm diện tích của hai thửa đất cũng chưa đủ cơ sở để xác định việc lấn chiếm đất giữa đôi bên vì theo ý kiến của UBND huyện thì việc chênh lệch diện tích của hộ ông N là do trước đây đo thủ công không chính xác, nay đo chính quy. Xem xét số đo chiều rộng phía Đông Bắc của 2 thửa đất thì thấy: thửa đất của hộ cụ Chắc (do ông N đang quản lý) theo GCNQSD đất thì rộng 20m, kết quả đo đạc lần 1 ngày 23/7/2020 là 20,15m (thừa 15cm), kết quả đo lần 2 ngày 29/10/2021 (tính cả khoảng không giữa 2 thửa đất) là 20,04 m (thừa 04 cm); Thửa đất của hộ chị C theo GCNQSD đất rộng 11,31m, đo lần 1 là 10,91m (thiếu 40cm), đo lần 2 là 11,01m (thiếu 30cm).

Căn cứ kết quả thẩm định các công trình đã xây dựng phần tiếp giáp giữa 2 thửa đất ngày 04/5/2022 thì thấy: Trên mặt đất giữa 2 thửa đất còn có khoảng không, phía Đông Bắc (từ tường nhà ông N đến tường nhà chị C) rộng 70cm; phía Tây Nam (từ tường nhà chị C đến tường sân nhà ông N) rộng 50cm. Phần trên không (mái nhà, còn gọi là giọt ranh): Ông N làm mái nhà thò ra so với tường nhà ông N 50cm dọc theo tường nhà; chị C làm mái nhà (tôn) thò ra dọc theo tường nhà chị C 2 đoạn, đoạn thứ nhất 20cm (dài 9,3m), đoạn thứ hai 10cm (dài 9,2m). Dưới lòng đất, ông N trình bày móng nhà của ông sâu gần 2m giáp với giọt ranh nhà chị C.

Như vậy, theo kết quả đo đạc chiều rộng phía Đông Bắc của 2 thửa đất nêu trên và hiện trạng xây dựng của các hộ (chị C xây dựng nhà và để giọt ranh như mô tả ở trên từ năm 2014 mà đôi bên không có tranh chấp) có cơ sở chấp nhận 1 phần yêu cầu khởi kiện của chị C, xác định ranh giới giữa 2 thửa đất là đường

giọt ranh của mái tôn nhà chị C (Đoạn thẳng có ký hiệu AG trên sơ đồ). Theo đó, chị C được sử dụng phần đất phía trong giọt ranh giáp với tường nhà chị C, ký hiệu ABCDEG có diện tích 3,3m<sup>2</sup>. Việc ông N cho rằng chị C lấn chiếm phần diện tích dọc theo thân nhà chị C là không có cơ sở vì chị C xây dựng nhà ở, để giọt ranh của mái tôn từ năm 2014, khi đó còn có bức tường ranh giới do hộ ông N xây dựng, hai bên không có tranh chấp.

[4]. Đối với yêu cầu của chị C về việc buộc ông N phải bồi thường thiệt hại tường nhà bị nứt, phần chân móng bị chặt phá với số tiền 3.000.000đ theo yêu cầu khởi kiện ban đầu, quá trình giải quyết tại Tòa án và tại phiên tòa, chị C tự nguyện rút yêu cầu đòi bồi thường nên cần đình chỉ xét xử đối với yêu cầu này theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự

[5]. Trong vụ án này, ông N còn có ý kiến về việc chị C đổ nước thải sinh hoạt vào vườn nhà ông, đồng thời lấn chiếm của gia đình ông 5 thước đất do gia đình ông vỡ hoang trước đây có được, hiện đang bị gia đình chị C chiếm hữu. Tuy nhiên, nếu có yêu cầu xem xét, giải quyết thì ông N phải có đơn khởi kiện để được giải quyết bằng vụ án khác.

[6]. Về án phí: Ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về chi phí tố tụng (xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản):

- Đối với chi phí thẩm định tại chỗ và định giá tài sản ngày 19/5/2020 với số tiền 2.500.000đ, chị C tự nguyện chịu và đã nộp đủ.

- Đối với chi phí thẩm định ngày 19/10/2021 (theo yêu cầu của ông N) với số tiền 3.266.000đ, ông N phải chịu toàn bộ số tiền này (ông N đã nộp đủ).

Vì các lẽ trên:

## **QUYẾT ĐỊNH**

Áp dụng khoản 9 Điều 26; khoản 3 Điều 144; Điều 147; Điều 165; Điều 271; Điều 273; Điều 228; Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164; Điều 166; Điều 174; 175; 176 ; Điều 275 của Bộ luật dân sự; Điều 166; Điều 203 Luật đất đai năm 2013; Điều 18, 26 Nghị quyết 326/2016 UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, xử:

Chấp nhận một phần yêu cầu của chị Nguyễn Thị C, xác định ranh giới giữa thửa đất số 175 tờ bản đồ số 70 (do hộ chị Nguyễn Thị C đang sử dụng) với thửa đất số 174, tờ bản đồ số 70 (do hộ ông Nguyễn Đức N đang sử dụng) tại thôn Mai Thượng, xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa là đoạn AG (có sơ đồ kèm theo).

Giao cho hộ chị Nguyễn Thị C được sử dụng phần đất ký hiệu ABCDEG có diện tích 3,3m<sup>2</sup>. Chị Nguyễn Thị C phải cắt bỏ miếng tôn có ký hiệu GHIK.

Đình chỉ yêu cầu của chị Nguyễn Thị C về việc yêu cầu ông Nguyễn Đức N bồi thường thiệt hại về tài sản.

*Về án phí:* Ông Nguyễn Đức N phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại cho chị Nguyễn Thị C số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000047 ngày 05/12/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hiệp Hòa.

*Về tiền chi phí tố tụng (xem xét thẩm định, định giá tài sản):*

- Chị Nguyễn Thị C chịu tiền chi phí đo đạc, xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 2.500.000đ (đã nộp đủ).

- Ông Nguyễn Đức N phải chịu 3.266.000đ tiền chi phí thẩm định, đo đạc (ông N đã nộp đủ).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7, 7a, 7b và 9 luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho các đương sự có mặt biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo thủ tục tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bắc Giang
- VKSND tỉnh Bắc Giang
- VKSND huyện Hiệp Hòa
- Chi cục THA DS Hiệp Hòa
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Chu Mạnh Hà**